

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA (phần Nông nghiệp)
“Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu
quả trên đơn vị diện tích” tại thôn Thủy Ba Tây, Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh
Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành NN thông minh thích ứng biến đổi khí hậu
Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị (WB7)**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Hiệp định tài trợ khoản vay số 5352-VN ngày 24/04/2014 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA);

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Hiệp định tài trợ khoản vay số 5352-VN ngày 24/04/2014 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA);

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Công văn số 776/BNN-TT ngày 17/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh mô hình CSA thuộc Hợp phần 3 dự án WB7;

Xét tờ trình số 351/TTr-DAWB7 ngày 09/12/2016 của Ban QLDA Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị về việc xin thẩm định và phê duyệt Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA “Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích” tại thôn Thủy Ba Tây, Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh thuộc Hợp phần 3 dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị (WB7);

Theo đề nghị của Chi cục Trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại kết quả thẩm định số 492/TTBVTV – T.Trọt ngày 23/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA (phần Nông nghiệp) “Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích” tại thôn Thủy Ba Tây, Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh với những nội dung chính sau:

1. Tên mô hình: Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích.

2. Địa điểm xây dựng: thôn Thủy Ba Tây, Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

3. Diện tích triển khai mô hình: 23,60 ha.

4. Tên dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị.

5. Tên dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7).

6. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị.

7. Đại diện Chủ đầu tư: Ban QLDA cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị.

8. Nhà thầu tư vấn CSA: Liên danh Viện nước Tưới tiêu và Môi trường – Viện khoa học kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ.

9. Nhiệm vụ, các hoạt động thực hiện chính của mô hình:

9.1. Nhiệm vụ:

Tăng cường năng lực cung cấp các dịch vụ nông nghiệp nhằm thúc đẩy việc nhân rộng các thực hành và các hệ thống CSA;

Phổ biến kiến thức về CSA, đào tạo các thực hành và hỗ trợ mở rộng ứng dụng các thực hành CSA bền vững;

Thực hiện điều tra cơ bản khi bắt đầu triển khai và khi kết thúc dự án để đánh giá các kết quả đầu ra của dự án trong tỉnh (so sánh các chỉ số trước và sau dự án);

Tổ chức hội thảo để các bên liên quan thảo luận, đánh giá các hệ thống CSA và các hoạt động, rút bài học kinh nghiệm và đề xuất kiến nghị phục vụ phát triển CSA.

9.2. Cơ cấu cây trồng và biện pháp kỹ thuật canh tác thực hiện mô hình:

9.2.1 Cơ cấu cây trồng: Lúa Đông Xuân (giống P6) và Hè Thu (giống Bắc Thơm số 7).

9.2.2. Các biện pháp kỹ thuật canh tác chính:

- Sử dụng giống có thời gian sinh trưởng ngắn ngày và cực ngắn (< 125 ngày trong vụ Đông Xuân và < 90 ngày trong vụ Hè Thu);

- Phẩm cấp hạt giống là xác nhận hoặc nguyên chủng;

- Sử dụng phương thức sạ hàng với lượng giống 70 kg/ha;

- Bón phân hợp lý dựa trên việc điều tiết lượng phân đạm theo bảng so màu lá, và điều tra phân tích hệ sinh thái hàng tuần để quyết định bón phân và biện pháp quản lý dịch hại;

- Tưới nước tiết kiệm theo kỹ thuật ướm khô xen kẽ khi hạ tầng đồng ruộng đã được nâng cấp;

- Ứng dụng cơ giới hóa trong các công đoạn làm đất, gieo sạ, thu hoạch và cuốn rơm;

- Xử lý gốc rạ sau thu hoạch bằng chế phẩm vi sinh để làm phân bón hữu cơ;

10. Kinh phí thực hiện mô hình (phần Nông nghiệp): 1.704.676.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm linh bốn triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Cụ thể:

- Nguồn Tài chính từ dự án: 1.281.103.000 đồng

+ Vốn PPMU quản lý và sử dụng là: 859.396.000 đồng

+ Vốn giao HTX quản lý và sử dụng là: 421.707.000 đồng

- Nguồn vốn đóng góp của nông dân: 423.573.000 đồng

(Chi tiết có Phụ lục dự toán kèm theo).

11. Nguồn vốn: Vốn vay WB Hợp phần 3 dự án WB7 Quảng Trị.

Điều 2. Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ theo nội dung quyết định này thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà Tài trợ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị, Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Ban CPO;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Trị;
- Tổ hỗ trợ kỹ thuật HP 3 của Sở;
- Lưu: VT, TTVBVTV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Hiền



PHỤ LỤC DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI PHÍ THỰC HIỆN MÔ HÌNH CSA (PHẦN NÔNG NGHIỆP)

“Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích”
 tại thôn Thủy Ba Tây, Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh

Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị (WB7

(Kèm theo Quyết định số 81/QĐ-SNN ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cả 3 năm		Vốn hỗ trợ từ dự án giao	
			Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	PPMU	HTX
	Diện tích:	Ha			47,2		47,2		94,4			
I	Hệ thống tưới/Tiêu			-				-			-	
II	Chi phí hỗ trợ dụng cụ sản xuất			323.400				323.400			303.400	20.000
1	Bình phun chế phẩm Trichoderma bằng điện (Mega)	cái	10	15.000					10	15.000	15.000	
2	Công cụ sạ hàng	cái	10	20.000					10	20.000		20.000
3	Công cụ làm cỏ bằng tay	cái	5	15.000					5	15.000	15.000	
4	Thiết bị cuốn rom MRB0850 - STAR (bộ phận công tác)	cái	2	270.000					2	270.000	270.000	
5	Chỉ cuốn rom	kg	20	1.000					20,0	1.000	1.000	
6	Ống đo mực nước trên ruộng	Cái	120	2.400					120	2.400	2.400	
III	Chi phí hỗ trợ giống, vật tư, phân bón					410.640		410.640		821.280		397.707
1	Giống	Kg			3.304,0	62.776	3.304,0	62.776	6.608,0	125.552		125.552
2	Phân bón					302.552		302.552		605.104		181.531
	Urea	Kg			9.440,0	75.520	9.440,0	75.520	18.880,0	151.040		45.312
	Lân super	Kg			18.880,0	66.080	18.880,0	66.080	37.760,0	132.160		39.648
	Kali Clorua	Kg			5.664,0	42.480	5.664,0	42.480	11.328,0	84.960		25.488
	Phân HCVS	Kg			28.320,0	73.632	28.320,0	73.632	56.640,0	147.264		44.179
	Vôi bột	Kg			23.600,0	35.400	23.600,0	35.400	47.200,0	70.800		21.240

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cả 3 năm		Vốn hỗ trợ từ dự án giao	
			Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	PPMU	HTX
	Phân bón lá (Atonik, Kali Humat..)	Lít			94,4	9.440	94,4	9.440	188,8	18.880		5.664
3	Chế phẩm Trichoderma	Kg			188,8	45.312	188,8	45.312	377,6	90.624		90.624
IV	Chi phí khác			-		270.198		270.198		559.996	555.996	4.000
1	Đào tạo, tập huấn			-		-		-		-	-	-
	Tổ chức họp nông dân, thảo luận về các kế hoạch, lập kế hoạch, dự báo thị trường, thời tiết, sâu bệnh hại, đánh giá, rút kinh nghiệm (2 lớp/ vụ x 2 vụ/năm)	Lớp			4	-	4	-	8	-		-
	Tập huấn hướng dẫn kỹ thuật sản xuất lúa và quy trình quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi cho toàn bộ ND tham gia MH trước mỗi vụ (2 lớp/ vụ 2 vụ/năm)	Lớp			4	-	4	-	8	-		-
	Huấn luyện nông dân Quản lý dịch hại theo IPM cải tiến (2 lớp/ vụ 2 vụ/năm)	Lớp			4	-			4	-		
2	Hỗ trợ cán bộ chỉ đạo thực hiện MH (01 cán bộ đi chỉ đạo 5 lần/tháng x 2 ngày/lần x 4 tháng/vụ x 2 vụ/năm)			-		26.400		26.400		52.800	52.800	
	Khoán xăng xe, khấu hao xe (40km/lượt x 2 lượt/lần x 20 lần/vụ x 2 vụ x 2.000đ/km)	Km			3.200	6.400	3.200	6.400	6.400	12.800	12.800	
	Phụ cấp lưu trú (5 lần/tháng x 2 ngày/lần x 4 tháng/vụ x 2 vụ/năm)	Ngày			80	12.000	80	12.000	160	24.000	24.000	
	Khoán tiền nghỉ trọ (1 đêm/lần x 5 lần/tháng x 4 tháng/vụ x 2 vụ/năm)	Đêm			40	8.000	-	8.000	80	16.000	-	16.000
3	Hội nghị đầu bờ	H. Nghị			2,0	23.500	2,0	23.500	4,0	47.000	47.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cả 3 năm		Vốn hỗ trợ từ dự án giao	
			Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	PPMU	HTX
4	Chi phí cho sử dụng bản tin dự báo khí tượng nông nghiệp phục vụ cho các buổi họp					9.800		9.800		19.600	19.600	
	Chi phí mua thông tin khí tượng thủy văn (gồm 4 bản tin (1 bản tin tháng, 3 bản tin tuần)/tháng x 7 tháng/năm)	Tháng			7	7.000	7	7.000	14	14.000	14.000	
	Hỗ trợ công biên soạn bản tin Khí tượng nông nghiệp (0.5 công/1 bản tin x 4 bản tin/tháng = 2 công /tháng x 7 tháng/năm)	Công			14	2.800	14	2.800	28	5.600	5.600	
5	Giám sát, đánh giá phát thải khí nhà kính	Vụ			2	218.298	2	218.298	4	436.596	436.596	
6	Bảng biểu mô hình	Cái			2	2.000	2	2.000	4	4.000		4.000
	Tổng chi hỗ trợ cho mô hình			323.400		680.838		680.838		1.704.676	859.396	421.707